TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/DS-ST
Ngày: 21-02-2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Lương

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Sâm– Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Lê Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 471/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019 về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ trụ sở chính tại: phố B, phường H, quận H1, Thành phố H2. Địa chỉ liên hệ: Phường M, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trương Thoại A; địa chỉ thường trú: ấp C, xã P, huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Phường K, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh – theo giấy ủy quyền số 228/2019/UQ-NCB ngày 09/7/2019 *(Bà A có mặt)*

- *Bị đơn*:

1. Ông Chung Thành D

2. Bà Ngô Thị Lệ T

Ông D và bà T cùng địa chỉ: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh *(Ông D và bà T vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (sau đây viết tắt là Ngân hàng TMCP Q) – Chi nhánh S theo hợp đồng vay số 553/16/HĐCV/101-60 ngày 15/9/2016 và khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/553/16/101-60 ngày 15/9/2016 để vay số tiền 555.000.000 (năm trăm năm mươi lăm triệu) đồng trong thời hạn 84 tháng. Mục đích vay: Mua xe ô tô con hiệu K 5 chỗ. Lãi suất kỳ đầu tiên là 8%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3,5%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T đã thế chấp xe ô tô con do ông Chung Thành D đứng tên chủ sở hữu, nhãn hiệu K, số loại C2, biển số F-793.05, màu sơn đỏ, số khung: 41A6GC083695, số máy G4FGGH628940, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 198942 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an Thành phố H cấp lần đầu ngày 14/9/2016. Tài sản bảo đảm trên được ký kết theo hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện vận tải khác hình thành từ vốn vay số 432/2016/HĐTC/101-60 ngày 15/9/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông D và bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng hợp đồng đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần gửi công văn, thông báo nhắc nợ cho ông D và bà T để yêu cầu trả nợ, tuy nhiên, ông D và bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 08/10/2019, ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T còn nợ Ngân hàng TMCP Q tổng cộng 660.312.865 đồng. Trong đó nợ gốc: 495.510.000 đồng, nợ lãi: 108.127.886 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn: 34.763.644 đồng, lãi chậm trả lãi: 21.911.335 đồng. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T thanh toán nợ lãi, phí phạt chậm trả phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi suất phạt theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số 553/16/HĐCV/101-60 ngày 15/9/2016 và khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/553/16/101-60 ngày 15/9/2016 kể từ ngày 09/10/2019 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng. Nếu ông D và bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, đề nghị tuyên Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu K, số loại C2, biển số F-793.05 do ông Chung Thành D đứng tên chủ sở hữu để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn, ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập để tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trương Thoại A trình bày: Do ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T vi phạm nghĩa vụ thanh toán như cam kết trong hợp đồng, nhiều lần chậm thanh toán và thanh toán không đầy đủ các khoản tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng. Tổng cộng chỉ thanh toán được 93.879.163 đồng, bao gồm nợ gốc 59.490.000 đồng và các

khoản nợ lãi, và từ sau ngày 23/9/2017 không thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nợ nào nữa. Tính đến ngày 21/02/2020, ông D và bà T còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền 693.868.450 đồng. Bao gồm: nợ gốc: 495.510.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 125.688.403 đồng, nợ lãi quá hạn: 44.661.981 đồng, lãi chậm trả lãi: 28.008.067 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu đối với số tiền lãi chậm trả lãi 28.008.067 đồng, chỉ yêu cầu ông D và bà T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ 665.860.383 đồng. Ngoài ra, ông D và bà T còn phải thanh tóan các khoản tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng vay số 553/16/HĐCV/101-60 ngày 15/9/2016 và khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/553/16/101-60 ngày 15/9/2016. Nếu ông D và bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, đề nghị tuyên Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế, kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu K, số loại C2, biển số F-793.05 do ông Chung Thành D đứng tên chủ sở hữu để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Hiện Ngân hàng đang giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 198942, biển số đăng ký 51F-793.05 do Công an Thành phố H cấp ngày 14/9/2016. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn, ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Căn cứ vào Hợp đồng số 553/HĐCV/101-60 ngày 15/9/2016 và khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/553/16/101-60 ngày 15/9/2016 thì Ngân hàng TMCP Q có cho ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T vay số tiền 555.000.000 đồng, mục đích vay là trả tiền mua xe ô tô, thời hạn vay 84 tháng. Sau khi giải ngân, ông D và bà T mới trả được cho Ngân hàng số tiền 93.879.163 đồng, sau đó ông D, bà T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Xét ông D và bà Tđã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 điều 466 Bộ luật dân sự. Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập nhưng ông D và bà T cũng không đến Tòa án giải quyết. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thì thực tế ông D và bà T có ký kết vay tiền của Ngân hàng TMCP Q như nguyên đơn trình bày.

Do vậy, việc Ngân hàng yêu cầu ông D và bà T phải trả số tiền còn nợ như nguyên đơn trình bày là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với số tiền lãi phạt của lãi chậm trả, do nguyên đơn rút yêu cầu tại phiên tòa nên đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn – ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T. Theo kết quả xác minh của Công an Phường X, quận Y thì ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T có hộ khẩu thường trú tại Phường X, quận Y đã bán nhà từ tháng 11/2015 đến nay, không rõ địa chỉ tạm trú, chưa chuyển khẩu. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

Bị đơn – ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q buộc ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T phải thanh toán số tiền tổng cộng: 665.860.383 đồng. Bao gồm: nợ gốc: 495.510.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 125.688.403 đồng, nợ lãi quá hạn: 44.661.981 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào hợp đồng vay số 553/HĐCV/101-60 ngày 15/9/2016 và khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/553/16/101-60 ngày 15/9/2016, xác nhận của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có đủ cơ sở xác định Ngân hàng TMCP Q có cho ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T vay số tiền 555.000.000 (năm trăm năm mươi lăm triệu) đồng, giải ngân ngày 15/9/2016 qua hình thức chuyển khoản để ông D, bà T thanh toán tiền mua xe ô tô theo khế ước nhận nợ ngày 15/9/2016. Quá trình sử dụng, ông D, bà T đã trả cho Ngân hàng TMCP Q được 93.879.163 đồng, bao gồm nợ gốc 59.490.000 đồng và các khoản nợ lãi. Từ ngày 24/9/2017, ông D và bà T không trả cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào nữa dù Ngân hàng nhiều lần liên hệ, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng nhưng ông D, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 21/02/2020 ông D, bà T còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền tổng cộng 665.860.383 đồng. Bao gồm: Nợ gốc: 495.510.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 125.688.403 đồng, nợ lãi quá hạn: 44.661.981 đồng. Do vậy, việc Ngân hàng TMCP Q yêu cầu ông D, bà T phải trả ngay một lần toàn bộ số tiền trên và yêu cầu kể từ ngày 22/02/2020 cho đến khi thi hành án xong, ông D và bà T còn phải chịu các khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại hợp đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với số tiền lãi chậm trả lãi là 28.008.067 đồng: Do tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tiền lãi chậm trả lãi.

[2.3] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con nhãn hiệu K, số loại C2, biển số F-793.05 trong trường hợp ông D và bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q:

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào hợp đồng thế chấp số 432/2016/HĐTC/101-60 ngày 15/9/2016 và Phụ lục bổ sung Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 432/2016/HĐTC/101-60/PL01 ngày 25/9/2016, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố H ngày 15/9/2016 thì ông Chung Thành D và vợ là bà Ngô Thị Lệ T đồng ý thế chấp tài sản là 01 xe ô tô con nhãn hiệu K, số loại C2, biển số F-793.05, số khung: 41A6GC083695, số máy G4FGGH628940, dung tích 1591, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 198942 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an Thành phố H cấp lần đầu ngày 14/9/2016 do ông Chung Thành D đứng tên chủ xe để đảm bảo cho nghĩa vụ của ông D và bà T đối với Ngân hàng TMCP Q, bao gồm các khoản phải trả với số tiền tối thiểu bằng nợ gốc của ông D và bà T tại Ngân hàng TMCP Q tại thời điểm ký hợp đồng này là 555.000.000 đồng và tối đa bằng tổng các khoản phải trả. Do vậy, việc Ngân hàng TMCP Q yêu cầu trong trường hợp ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con nhãn hiệu K, số loại C2, biển số F-793.05, số khung: 41A6GC083695, số máy G4FGGH628940, dung tích 1591, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 198942 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an Thành phố H cấp lần đầu ngày 14/9/2016 do ông Chung Thành D đứng tên chủ xe là có căn cứ chấp nhận.

Ngay sau khi ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T thanh toán hết các khoản tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và các khoản tiền lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q có trách nhiệm trả lại cho ông Chung Thành D bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 198942, biển số đăng ký F-793.05 được Công an Thành phố H cấp ngày 14/9/2016.

[3] Về án phí sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 30.634.415 đồng do bị đơn – ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T phải chịu toàn bộ.

Hoàn trả lại cho Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Q toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.825.320 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T vẫn vắng mặt không có lý do, cũng như không đưa ra bất cứ một phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn, hoặc chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, ông D và bà T phải chịu hậu quả pháp lý đối với việc vắng mặt của mình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 280, 463, 464 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q:

- Buộc ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 665.860.383 (sáu trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi ngàn ba trăm tám mươi ba) đồng. Bao gồm: nợ gốc: 495.510.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 125.688.403 đồng, nợ lãi quá hạn: 44.661.981 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 22/02/2020 cho đến khi thi hành án xong, ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T còn phải trả các khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng vay số 553/16/HĐCV/101-60 ngày 15/9/2016 và khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/553/16/101-60 ngày 15/9/2016.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi chậm trả lãi là 28.008.067 (hai mươi tám triệu không trăm lẻ tám ngàn không trăm sáu mươi bảy) đồng.

- Trường hợp ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con nhãn hiệu K, số loại C2, biển số 51F-793.05, số khung: 41A6GC083695, số máy G4FGGH628940 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 198942 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an Thành phố H cấp lần đầu ngày 14/9/2016 do ông Chung Thành D đứng tên chủ xe để thu hồi nợ.

Ngay sau khi ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T thanh toán hết các khoản tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và các khoản tiền lãi phát sinh thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có trách nhiệm trả lại cho ông Chung Thành D bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 198942, biển số đăng ký F-793.05 do Công an Thành phố H cấp ngày 14/9/2016.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 30.634.415 (ba mươi triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm mười lăm) đồng do ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T phải liên đới chịu.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.825.320 (mười bốn triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn ba trăm hai mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2018/0039132 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Chung Thành D và bà Ngô Thị Lệ T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Lê Diễm Thúy